TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Phúc, bà Ngô Thị Thu Hòa.
Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Ý Yên.
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Tình.

Ngày 25/4/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Y, sinh năm 1994.
Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định
Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định
Bị đơn: Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định
Tại phiên tòa: Vắng mặt anh N, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai và tại tòa án nguyên đơn chị Đào Thị Y bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang N vào ngày 04/5/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, mấy năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra tranh cãi gay gắt, không còn tôn trọng nhau nữa. Anh N nhiều lần bạo hành, đánh chị. Từ tháng 11/2022 anh chị đã sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung tên là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/8/2014 và cháu Nguyễn Gia Bi sinh ngày 28/8/2019. Chị Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Bi, đồng ý để anh N nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh N đến làm việc nhưng anh N vắng mặt không lý do.

Quá trình xác minh tại gia đình anh N và địa phương được biết:

Chị Y và anh N được Ủy ban nhân dân xã Yên Phong huyện Ý Yên cho đăng ký kết hôn ngày 04/5/2014. Sau khi kết hôn, chị Y và anh N chung sống cùng nhau tại gia đình bố mẹ đẻ của anh N ở thôn P, xã Y và có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/8/2014 và Nguyễn Gia Bi, sinh ngày 28/8/2019, hiện nay cháu B đang sinh sống cùng anh N và ông bà nội, cháu Bi sinh sống cùng chị Y. Mẫu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị thế nào địa phương không nắm được. Hiện anh N có hộ khẩu thường trú, sinh sống và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại địa phương tại xã Yên Phong. Việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Gia đình anh N cho biết trước tết vợ chồng chị Yên và anh N có xảy ra va chạm rồi chị Y đã về gia đình bố mẹ đẻ ở xã Yên Phương để sinh sống, không chung sống với anh N nữa. Anh N và gia đình có tìm gọi nhưng chị Y không về chung sống cùng anh N. Việc chị Y có đơn xin ly hôn, anh N và gia đình đều biết. Anh N có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ. Nếu chị Y quyết tâm ly hôn thì anh cũng phải chịu. anh xin nuôi con chung là cháu B, để chị Y nuôi cháu Bi.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Gia B trình bày nguyện vọng xin được ở cùng bố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị Y có mặt, anh N vắng mặt. Chị Y có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị Y xin giải quyết vắng mặt. Anh N mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị Y đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng,bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân gia đình, xử ly hôn giữa chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Quang N; giao cháu Nguyễn Gia Bi sinh ngày 28/8/2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 02/8/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân chị Y không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về án phí sơ thẩm ly hôn chị Y phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh N mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữ chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Quang N là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N. Về phía anh N, mặc dù anh biết việc chị Y xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị Y nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh N vẫn vắng mặt. Chị Y đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị Y, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Y và anh N có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia Bi, kể từ khi ly thân cháu Bi ở cùng chị Yên bên ông bà ngoại, cháu B ở cùng anh N bên ông bà nội. Chị Y và anh N đều có quan điểm nhất trí là anh N nuôi cháu B, chị Y nuôi cháu Bi. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận

nguyện vọng của chị Y và anh N, giao cho chị Y trực tiếp nuôi cháu Bi, giao cho anh N trực tiếp nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Quang N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Bi, sinh ngày 28/8/2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/8/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đào Thị Y phải nộp là 300.000đồng, đối trừ với số tiền chị Y đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003861 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Y đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Đào Thị Y và anh Nguyễn Quang N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh